

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GIA PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1689/QĐ-UBND

Gia Phúc, ngày 19 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các phòng,
cơ quan, đơn vị xã Gia Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIA PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Gia Phúc về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 59/TTr-PKT ngày 17 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các phòng, cơ quan, đơn vị xã Gia Phúc, như sau:

1. Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo phân cấp: 332.756,0 triệu đồng, tăng 49.377,0 triệu đồng so với thành phố giao, (NS xã hưởng: 305.156,0 triệu đồng, tăng: 49.127,0 triệu đồng so với thành phố giao). Trong đó:

- Thu nội: 47.010,0 triệu đồng, tăng: 1.250,0 triệu đồng so với thành phố giao (ngân sách xã hưởng: 19.410,0 triệu đồng, tăng 1.000,0 triệu đồng so với thành phố giao).



- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 285.746,0 triệu đồng. (Tăng 48.127,0 triệu đồng so với thành phố giao). Trong đó: Bổ sung cân đối 236.539,0 triệu đồng.

(Chi tiết tại mẫu biểu 01 kèm theo)

2. Dự toán chi ngân sách xã: 305.156,0 triệu đồng, tăng 49.127,0 triệu đồng so với thành phố giao. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 50.127,0 triệu đồng, tăng 49.127,0 triệu đồng so với thành phố giao.;

- Chi thường xuyên: 250.009,0 triệu đồng. (Trong đó, tiết kiệm 10% chi TX: 5.547,3 triệu đồng). Chi tiết theo ngành, lĩnh vực như sau:

+ Chi quốc phòng: 3.524,0 triệu đồng;

+ Chi an ninh: 3.079,0 triệu đồng;

+ Sự nghiệp giáo dục, đào tạo: 136.431,0 triệu đồng;

+ Chi khoa học, công nghệ: 390,0 triệu đồng;

+ Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 6.230,0 triệu đồng;

+ Sự nghiệp văn hóa thông tin: 1.548,0 triệu đồng;

+ Chi phát thanh, truyền thanh: 390,0 triệu đồng;

+ Sự nghiệp thể dục thể thao: 425,0 triệu đồng;

+ Sự nghiệp bảo vệ môi trường: 3.536,0 triệu đồng;

+ Sự nghiệp kinh tế: 28.322,0 triệu đồng;

+ Chi QLNN, Đảng, MTTQ và các đoàn thể: 33.010,0 triệu đồng;

+ Sự nghiệp đảm bảo xã hội: 31.880,0 triệu đồng;

+ Chi khác ngân sách: 1.244,0 triệu đồng;

- Dự phòng ngân sách xã: 5.020,0 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01, 02, 03, 04 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước

Căn cứ dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026 được giao. Giao phòng Kinh tế xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các thôn trên địa bàn và Thuế cơ sở 12 thành phố Hải Phòng xây dựng kế hoạch thu ngân sách nhà nước ngay từ đầu năm để tổ chức

thực hiện các giải pháp đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2026.

2. Đối với dự toán chi ngân sách

2.1. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2026 được giao, các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách chủ động thực hiện điều hành dự toán ngân sách trong phạm vi được duyệt, đảm bảo hiệu quả, bố trí các khoản chi theo thứ tự ưu tiên trước hết đảm bảo chi lương, phụ cấp, an sinh xã hội, chế độ chính sách đối với người có công, gia đình chính sách, nghiêm túc thực hiện yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp.

2.2. Giao phòng Kinh tế xã thực hiện kiểm tra dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách; trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, từng nguồn kinh phí mà nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao; không đúng chính sách, chế độ quy định thì yêu cầu đơn vị dự toán sử dụng ngân sách điều chỉnh theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Trưởng phòng giao dịch số 7, Kho bạc Nhà nước khu vực III; Đội trưởng Thuế cơ sở 12 thành phố Hải Phòng; Hiệu trưởng các trường Mầm Non, Tiểu học, THCS và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND và các ban HĐND xã;
- Chủ tịch và các PCT UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, KT.

} để báo cáo

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Chính Thống





UBND XÃ GIA PHÚC

Chương: 822

Mẫu biểu số 48

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường tiểu học Hồng Hưng

Mã số: 1012828

Mã KBNN nơi giao dịch: 0079

(Kèm theo Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Gia Phúc)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	9.179.516.000
1	Chi quản lý hành chính	-
2	Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	9.179.516.000
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 13)	9.049.697.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn 12)	59.360.000
3.3	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2026	70.459.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	-
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Ghi chú: (1) Trong đó đã bao gồm 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2026 để thực hiện cải cách tiền lương

Chưa bao gồm tiền thưởng 1% theo Nghị định 152/CP và tiền thưởng theo Nghị định số 73/CP.